

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2024

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long;**

**Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuyết.  
2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.**

**- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Ông Lương Dương Tùng Anh, Kiểm sát viên.**

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa:

**- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương T - Sinh năm 1996;**

**HKTT tại: Xóm B, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;**

**- Bị đơn: Anh Trần Minh Q - Sinh năm 1992;**

**HKTT tại: Xóm B, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.**

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Phương Trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Minh Q năm 2017, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phần Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm B, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời

gian đầu sau đó thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do anh Q không tu trí làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này với anh nữa, vợ chồng chị hiện đã sống ly thân. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh Q nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Minh A (SN 03/11/2017) và cháu Trần Minh Tú A (SN 31/10/2019). Hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại tư khai, bị đơn anh Trần Minh Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Phương Năm 2017, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm Bàu 2, xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ đầu hôn nhân vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chỉ là mâu thuẫn cá nhân. Hiện không còn chung sống, vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay yêu cầu ly hôn anh chưa nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Minh A (SN 03/11/2017) và Trần Minh Tú A (SN 31/10/2019). Hiện con đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh Trần Minh Q vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành được và quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52, 56, 81, 82, và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T xin ly hôn anh Trần Minh Q.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Trần Minh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Minh A (SN 03/11/2017) và Trần Minh Tú A (SN 31/10/2019), giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cần buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng/2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T chịu án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Trần Minh Q có nơi cư trú đăng ký HKTT tại xóm B, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Minh Q, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T và anh Trần Minh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày 04/5/2017 của UBND xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên). Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 8 năm 2023 do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T, anh Q đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn điều kiện trở lại đoàn tụ. Do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh Q là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc Minh A (SN 03/11/2017) và Trần Minh Tú A (SN 31/10/2019), hiện con đang ở với chị Nguyễn Phương T.

Chị T cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cả hai con chung. Tại bản trình bày nguyện vọng của con chung, cháu Minh A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, lý do vì mẹ là người quan tâm chăm sóc, bố không quan tâm và hay chửi mắng. Tại bản tự khai, anh Q có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên các phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Q không có mặt để giải quyết.

Xét thấy: Các cháu hiện đang ở với mẹ và đang theo học tại thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Phương T, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị T xác định đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng để chị nuôi hai cháu. Việc giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung. Chị T yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy cần buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh Q được quyền đi lại thăm con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương T xin ly hôn anh Trần Minh Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, 52, 56, 58, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Ngọc Minh A (SN 03/11/2017) và Trần Minh Tú A (SN 31/10/2019 cho chị Nguyễn Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Buộc anh Trần Minh Q mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q không nộp được số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất cơ bản tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0004513 ngày 21/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương. Anh Trần Minh Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

6. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phấn Mễ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Đức Long**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Đào – Bàn Thị Thu Phương**

**Phạm Ngọc Linh**